

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 606/TB-TTYT

Lái Thiêu, ngày 15 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị có khả năng cung cấp hàng hóa.

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lập dự toán gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2026 – 2027 (lần 2)** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin gói thầu

1. Tên dự toán mua sắm: Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2026 – 2027 (lần 2).
2. Tên gói thầu: Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2026 – 2027 (lần 2).

II. Thông tin cơ bản về yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An.
2. Phân loại báo giá: Hàng hóa.

III. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.

1. Họ Tên: Võ Kiên Tài
2. Chức vụ: Chuyên viên phòng TCHC
3. Điện thoại: 0833218844
4. Địa chỉ: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Email: ttytdt2024@gmail.com

IV. Các thức tiếp nhận báo giá

1. Nhận hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ: Phòng văn thư – Lầu 3 Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nhận file điện tử: Email: ttytdt2024@gmail.com
3. Địa điểm phát hành yêu cầu báo giá:
- <http://trungtamytethuanan.com.vn>

- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.

V. Nội dung yêu cầu báo giá

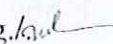
1. Nội dung yêu cầu báo giá

Đính kèm theo Thông báo chào giá

2. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Bảng giá theo Mẫu số 01: Cung cấp file điện tử qua mail hoặc nhận trực tiếp.
- Hồ sơ năng lực, catalogue danh mục hàng hóa thể hiện thông số kỹ thuật.

Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của dịch vụ phù hợp khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Trân trọng, 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc;
- Các khoa phòng;
- [Muasamcong.mpi.gov.vn](https://muasamcong.mpi.gov.vn);
- Website TTYT;
- Lưu: VT, TCHC(T);



Phan Quang Toàn



PHỤ LỤC

(Đính kèm theo thông báo số 606/TB-TTYT ngày 15 tháng 5 năm 2026)

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
1	Bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu các loại						
1.1		Băng bột bó cỡ 10cm	Bột thạch cao có độ tinh khiết cao. Lớp gạc 100% cotton, rộng 10cm \pm 1cm; chiều dài \geq 270cm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	2.400	
1.2		Băng bột bó cỡ 15cm	Bột thạch cao có độ tinh khiết cao. Lớp gạc 100% cotton, rộng 15cm \pm 1cm; chiều dài \geq 270cm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	2.400	

Stt	Tên lô phần	Tên Vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
1.3		Băng bột bó cỡ 7,5cm	Bột thạch cao liên gạc. Gạc 100% cotton . Kích thước: 7,5cm ± 1cm, chiều dài ≥ 270cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CF, FS, TCVN)	Cuộn	1.260	
1.4		Băng chun, băng đàn hồi	Chất liệu: được làm từ sợi cotton Có 3 móc cài, băng có độ đàn hồi Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CF, FS, TCVN)	Cuộn	6.500	
1.5		Băng cuộn y tế	Chất liệu sợi cotton 100% màu trắng không hồ. không sử dụng chất nhuộm màu. không mùi vị. không lẫn tạp chất. kích thước ≥ 0.07m x 1.5m Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cuộn	8.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.6		Băng dính vô trùng vải cố định kim luồn 60mmx70mm	Kích thước băng: 60mm x 70mm, 4 góc bo tròn tránh bung mép Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền. Gạc thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luồn. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	50.000	
1.7		Băng gạc vô trùng	Nền băng Polyester đan không dệt định lượng vải 45-55g/m ² , mềm, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc (3cm x 4cm) ± 10%, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho da Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	2.800	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
1.8		Băng keo cá nhân	Chất liệu: Sợi vải đàn hồi, viscose $\geq 70\%$, polyamide $\geq 30\%$, phủ keo Acrylic $\geq 140\text{mg}$, gạc $\geq 20\text{mm} \times 10\text{mm}$, tấm benzalkonium chloride Kích thước: $\geq 60\text{mm} \times 19\text{mm}$ Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	40.000	
1.9		Băng keo chỉ thị nhiệt	Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121 độ C và 132-134 độ C. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	12	
1.10		Băng keo cuộn co giãn	Chất liệu: Vải nền đan không dệt, co giãn, mềm mại, thoáng khí, phủ keo Acrylic $\geq 100\text{g}/\text{m}^2$ an toàn cho mọi loại da. In vạch sẵn, kích thước: 10cm x 10m Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cuộn	150	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.1.1		Băng keo lụa	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, phủ keo Acrylic $\geq 60g$ poly acrylic/m ² . Kích thước: $\geq 2.5cm$ x 5m Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	8.900	
1.1.2		Bông thấm nước	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, không mùi, không bị tối và có độ thấm hút rất cao. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	290	
1.1.3		Bông viên không vỏ trùng	Bông viên đường kính $\geq 20mm$, chất liệu là 100% Bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế.	Đạt \geq một trong những tiêu	Kg	23	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
			Không vô trùng. Hoặc tương đương	chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.1 4		Bông y tế không thấm nước	Bông không hút nước, được làm từ 100% bông xơ tự nhiên Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	20	
1.1 5		Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm x 4 lớp	Kích cỡ 0,01m x 2m x 4 lớp. Được làm từ vải không dệt Polyester/Rayon, thấm nước, đã được tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	200	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
1.1 6		Gạc dẫn lưu nội soi 2cm x 30cm x 6 lớp (có cân quang, tiệt trùng)	Kích cỡ 2cm x 30cm x 6 lớp (\pm 5%). Được làm từ vải không dệt, đã được tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	3.000	
1.1 7		Gạc lưới Lipidocolloid, 10cm x 10cm lưới mềm	Gạc lưới vô trùng \geq 10cm x 10cm. Sản phẩm chứa hydrocolloid (carboxymethylcellulose), dầu parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất polymer, vô khuẩn. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	1.020	
1.1 8		Gạc meche mũi tiệt trùng	Kích thước \geq 1cm x 30cm, tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cuộn	40	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.19		Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm có cản quang, tiệt trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% Cotton, có cản quang, được tiệt trùng. Kích thước 10cm x 10cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	2.000	
1.20		Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp (không tiệt trùng)	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) có độ thấm hút rất cao, chưa tiệt trùng, kích thước 10cmx10cmx8 lớp Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	130.000	
1.21		Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8lớp, cản quang tiệt trùng	Gạc Phẫu thuật ổ bụng 30x40cmx8 lớp, vô trùng, có cản quang, chất liệu 100% cotton. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Miếng	11.900	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
1.2 4		Miếng cầm máu mũi	Kích thước 8cm x 1.5cm x 2cm. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	50	
2		Dây dẫn, dây truyền, ống thông, catheter các loại					
2.1		Bình dẫn lưu màng phổi	Bình trong suốt, dung tích tối đa ≥ 1.800ml; có vạch chia ml, kèm nắp bình dẫn lưu Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	63	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.2 2		Gạc y tế 0.8m	Được làm từ sợi cotton 100%, hút nước, khổ 0,8m. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Mét	31.000	
1.2 3		Clip mạch máu	Clip kẹp mạch máu, bằng Titan có cấu tạo rãnh đặc biệt hình tim để bám chắc vào mạch. LT300 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	600	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
2.2		Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kích thước 7F, dài ≥ 20 cm Guide wire 0,89mm x 60cm Kim dẫn 18G Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.3		Bộ dẫn lưu vết thương kín	Chất liệu: Nhựa y tế, 3 lò xo, có ống nối chữ Y, ống dẫn lưu có trocar. Thể tích ≥ 400 ml Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.4		Bộ dây oxy 2 nhánh dùng một lần các cỡ	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Dây dẫn chính có chiều dài ≥ 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa dùng trong y tế. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Bộ	12.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.5		Bộ hút đàm kín sử dụng 72h	Kích thước 10-16Fr Chiều dài catheter 300-550mm(\pm 10%) Có công tắc tổng và công tắc bật tắt, công ngăn chặn rò rỉ dòng chảy ngược trong quá trình hút và có công MDI cho phép thuận tiện việc sử dụng thuốc Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.6		Bộ khí dung dùng cho máy thở	Bộ khí dung có ống chữ T Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.7		Canul mở khí quản 2 nòng có bóng	Canul mở khí quản, 2 nòng riêng biệt có bóng chèn, kích thước 7- 7,5 Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn	Cái	10	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐV T	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.8		Chấn lười các số	Được làm từ Polyethylene không độc hại, các số Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.800	
2.9		Dây dẫn đường guide wire Nitinol	Kích cỡ: ≥ 0.035", dài ≥ 150cm Chất liệu: Thép không gỉ, phủ PTFE Tip: Đầu thẳng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	20	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
2.1 0		Dây dẫn đường guide wire phủ Hydrophilic	Kích cỡ: $\geq 0.035"$, dài 150cm Chất liệu: Nitinol chống xoắn Tip: Đầu thẳng, mềm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	20	
2.1 1		Dây dẫn máy thở người lớn	Bộ dây máy thở một lần dùng cho người lớn phù hợp với đầu nối máy thở Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	300	
2.1 2		Dây garo	Chất liệu làm bằng thun co giãn Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Sợi	300	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.13		Dây hút đờm loại có khóa, các cỡ	02 phần: Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, loại có khóa Các số 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr Tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	12.000	
2.14		Dây hút phẫu thuật	Được sản xuất từ chất liệu nhựa dùng trong y tế. Đường kính ≥ 8 mm, chiều dài ≥ 2m, tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.300	
2.15		Dây máy thở có bể nước người lớn	Dây dẫn máy thở 2 bể nước dùng một lần. Cấu hình bao gồm: 4 đoạn dây dài ≥ 80cm; 1 đoạn dây dài ≥ 60cm nối bình làm ẩm, 2 bể nước.	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Bộ	720	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
			1 cắt chữ Y, 1 cắt chữ L. Hoặc tương đương	01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA.CFS, TCVN)			
2.1 6		Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài ≥ 140 cm. Đầu nối vận xoắn (khóa ren Luer lock), khóa bảo vệ, dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. Chất liệu PVC, chống xoắn. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA.CFS, TCVN)	Cái	7.100	
2.1 7		Dây truyền dịch	Loại 20 giọt, được sản xuất từ nhựa dùng trong y tế Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA,CFS, TCVN)	Bộ	100.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
2.18		Dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch các loại	Sử dụng cho máy truyền dịch model Infusomat P, loại 20 giọt, chất liệu PVC không có chất phụ gia DEHP, chứa DEHT an toàn. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	1.000	
2.19		Dây truyền máu	Dài ≥ 180cm, có màng lọc, Có kim truyền không cánh, được tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	1.000	
2.20		Filter máy đo chức năng hô hấp	Filter máy đo chức năng hô hấp (tương thích máy model KOKO) Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001)	Cái	220	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.2 1		Khóa chia ba	Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Có dây nối dài $\geq 25\text{cm}$ mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.000	
2.2 2		Làm ấm mờ khí quản (mũi nhân tạo)	Dụng cụ làm ấm làm ấm không khí cho ống mờ khí quản, có một cổng riêng để hút đờm, có khoảng nhỏ ngăn đờm có van oxy giúp cung cấp một lượng oxy khi cần thở oxy Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	200	
2.2 3		Ống dẫn lưu Kehr các cỡ	Chất liệu: nhựa PVC y tế không độc hại, không DEHP, có cản quang. Các size 10-26. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn	Cái	12	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.2 4		Ống dẫn lưu màng bụng, các cỡ	Ống dẫn lưu ổ bụng gồm dạng ống không lỗ hoặc có lỗ. Chất liệu nhựa, đường kính trong 5.0mm đến 7.0mm, chiều dài \geq 390mm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	200	
2.2 5		Ống dẫn lưu màng phổi	Có nắp các cỡ. Vật liệu bằng PVC. Kích cỡ từ 12Fr đến 36Fr. Chiều dài \geq 400mm. Ống catheter cân quang. Có co nối đi kèm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	48	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
2.2 6		Ống hút điều kinh các số	Các số: 4, 5, 6. Được tiệt trùng bằng khí Ống bằng nhựa nguyên sinh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	400	
2.2 7		Ống ngậm giấy đo hô hấp khí	Đường kính 25-30mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	220	
2.2 8		Ống nội khí quản cong miệng có bóng các số	Làm bằng PVC y tế hoặc silicon hoặc tương đương. Bóng hình trụ. Có vạch em trên thân ống. Có đường cân quang. Đầu ống vít, có cửa số. Các số, các cỡ Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Bộ	1.900	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.29		Ống nối máy thở (sâu máy thở)	Chất liệu bằng nhựa dùng trong y tế - Dạng lò xo, dùng cho máy thở - Có cổng lấy mẫu khí và nắp đậy cố định - Đầu nối: 22M/15F - Kích thước: Chiều dài ≥ 15 cm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.000	
2.30		Ống sonde dạ dày các số	Các cỡ 14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.000	
2.31		Ống sonde double JJ	Chất liệu: Polyurethane (PU), phủ Hydrophilic. Chiều dài: ≥ 26 cm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn	Cái	300	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.3 2		Ống sonde hậu môn các số	Dược làm từ nhựa dùng trong y tế, các số Hoặc trong dương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	45	
2.3 3		Ống thông tiêu 1 nhánh (nelaton), các số	Chất liệu silicon, các số Hoặc trong dương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	400	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
2.3 4		Ống thông tiểu 2 nhánh, các số	Chất liệu cao su dùng trong y tế có phủ silicon, có 2 nhánh, các số. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.000	
2.3 5		Ống thông tiểu 3 nhánh, có bóng, các số	Chất liệu cao su dùng trong y tế có phủ silicon, có 3 nhánh, các số. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	500	
3		Bơm, kim tiêm, chỉ phẫu thuật, rọ tán sỏi, lưới thoát vị các cỡ					

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐV T	Số lượng dự trữ	Ghi chú
3.1		Bơm tiêm 1 ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1 1/2", không chứa độc tố Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA.CFS, TCVN)	Cái	30.000	
3.2		Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA.CFS, TCVN)	Cái	230.000	
3.3		Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20 ml, cỡ kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt.. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cái	7.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.4		Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	24.000	
3.5		Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	220.000	
3.6		Bơm tiêm cho ăn	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế. Dung tích 50ml. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Cái	2.300	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.7		Bơm tiêm dầu xoắn, 50ml	Bơm tiêm không kim, đầu xoắn. Thân bơm tiêm làm bằng nhựa trong suốt, dung tích 50ml Hoặc trong đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	8.900	
3.8		Bóp bóng các cỡ	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em, sơ sinh chất liệu Silicon Hoặc trong đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	60	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
3.9		Chỉ khâu đơn sợi Polyglecaprone 25 số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 3/0 dài 70cm ($\pm 3,5$ cm), 1 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim thép Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	150	
3.10		Chỉ phẫu thuật không tan sự nhiên (Silk) số 3/0, không kim	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, không kim, dài 75cm ($\pm 3,75$ cm) Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	100	
3.11		Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp (Nylon) số 2/0, kim tam giác	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 2/0, chỉ dài 75cm (± 3 cm), kim tam giác ≥ 26 mm phủ silicon. Tiết trùng. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Tép	1.200	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.1 2		Chi phẫu thuật không tan tổng hợp (Nylon) số 3/0, kim tam giác	Chi tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 3/0, chỉ dài 75cm(\pm 3cm), kim tam giác \geq 26mm phủ silicon. Tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.800	
3.1 3		Chi phẫu thuật không tan tổng hợp (Nylon) số 4/0, kim tam giác	Chi tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 4/0, chỉ dài 75cm (\pm 3cm), kim tam giác \geq 19mm phủ silicon. Tiệt trùng. Hoặc tương đương.	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.100	
3.1 4		Chi phẫu thuật không tan tự nhiên (Silk) số 2/0	Chi không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75cm (\pm 3,75cm), kim tam giác 3/8c, dài \geq 24mm Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Tép	2.300	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.1 5		Chỉ phẫu thuật tự tan da sợi Polyglactin số 1/0	Chỉ phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1, kim tròn, chỉ dài ≥ 90 cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	2.000	
3.1 6		Chỉ phẫu thuật tự tan da sợi Polyglactin số 2/0	Chỉ phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, kim tròn, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	192	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐV T	Số lượng dự trữ	Ghi chú
3.1 7		Chi phẫu thuật tự tan đa sợi Polyglactin số 3/0	Chi phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, kim tròn, chỉ dài $\geq 75\text{cm}$. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	192	
3.1 8		Chi tan chậm tự nhiên Catgut chromic số 2	Chi tự nhiên, tan chậm, đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, số 2/0, chỉ dài 75cm ($\pm 3,5\text{cm}$), kim tròn $\geq 26\text{mm}$ phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	980	
3.1 9		Chi tan chậm tự nhiên Catgut chromic số 3	Chi tự nhiên, tan chậm, đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, số 3/0, chỉ dài 75cm ($\pm 3,5\text{cm}$), kim tròn $\geq 26\text{mm}$ phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Tép	120	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.2 0		Chi tan chậm tự nhiên Catgut số 0	Chi tan chậm tự nhiên số 0, dài 75cm(\pm 3,5cm), kim tròn 1/2 dài \geq 36mm, làm từ collagen tinh khiết Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.200	
3.2 1		Chi thép xương bánh chè	Thép không gỉ, dài 60cm (\pm 3cm), kim tam giác dài \geq 120mm, phủ silicon, số 7. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	60	
3.2 2		Chi tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chi số 2/0, kim tròn	Chi tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polypropylene. Số 2/0, chi dài 90cm(\pm 3.5cm), kim tròn dài \geq 26mm	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn	Tép	100	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
			Hoặc tương đương	(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.2 3		Kim châm cứu các cỡ	Kích cỡ: 0.25x25mm; 0.25x40mm; 0.25 x 70mm. Vô trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuan (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	300.000	
3.2 4		Kim gây tê tùy sống	Thép không gỉ. Đầu kim 3 mặt vát. Tiệt trùng. Các số 25-27 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuan (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
3.2 5		Kim dây chỉ	Kim dây chỉ gồm phần dây chỉ đầu bằng và phần cán. Kích cỡ: 0.30*33mm. Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, vô trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10.000	
3.2 6		Kim Lancet	Chất liệu: Thép không gỉ. Tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.000	
3.2 7		Kim luồn tĩnh mạch có cánh có công tiêm các số	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G, đầu kim vát 3 cạnh. Tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cái	60.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	DV T	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.28		Kim thử đường huyết	Kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng, vô trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	32.000	
3.29		Kim tiêm sử dụng một lần	Sử dụng một lần, Để kim được làm bằng nhựa dùng trong y tế, cỡ kim 18G, 22G, 23G. Kim làm bằng thép không gỉ, kim sắc nhọn, không gợn, vác 3 cạnh Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	130.000	
3.30		Nút chặn đuôi kim luồn	Nút chặn đuôi kim luồn có công bơm thuốc, dài ≥22mm Khóa vận xoắn giúp đường truyền an toàn Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Cái	5.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.3 1		Lưới thoát vị 06cmx11cm	Chất liệu bằng polyester đơn sợi Kích thước 6cmx11cm, tiết khuẩn Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	36	
3.3 2		Lưới thoát vị 15cmx15cm	Lưới được làm từ chất liệu polypropylen không tiêu loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị. Kích thước: 15cm x 15cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	12	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	DV T	Số lượng dự trữ	Ghi chú
3.3 3		Rọ tán sỏi	Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire. Kích thước: 3/4Fr. Số dây của rọ: 4. Chiều dài: 70/90/120cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	30	
4	Chỉ thị hóa học, găng tay, giấy, mask các loại						
4.1		Chỉ thị Bowie-Dick cho tiệt trùng hơi nước	Dùng để kiểm tra máy trước mẻ hấp đầu tiên. Kích thước: ≥16 x 125 x 113 mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Gói	68	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
4.2		Chỉ thị hóa học dùng cho gói đồ hấp	Chỉ thị hóa học Loại 5, Kích thước $\geq 70 \times 23$ mm được thiết kế để phản ứng với tất cả các biến quan trọng trong chu trình tiệt trùng: (thời gian, nhiệt độ và sự hiện diện của hơi nước Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Test	7.332	
4.3		Chỉ thị hóa học dùng cho lò hấp tiệt trùng	Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, hơi nước bão hòa) kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn dùng cho quy trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 135°C. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Test	4.524	
4.4		Găng tay khám có bột	Chất liệu: Cao su thiên nhiên có bột, các size S,M Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Đôi	400.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
4.5		Găng tay phẫu thuật có bột diệt trùng	Chất liệu: cao su thiên nhiên có bột, các số 6.5;7;7,5, diệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Đôi	40.000	
4.6		Giấy đo điện tim 110mm x 140m x 200	Giấy in kết quả đo điện tim kích thước: 110mm x 140m x 200 tờ. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	20	
4.7		Giấy đo điện tim 63mm x 30m	Giấy in kết quả đo điện tim Kích thước: 63mm x 30cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Cuộn	600	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
4.8		Giấy đo điện tim 80mm x 20m	Giấy in kết quả đo điện tim kích thước: 80mm x 20m Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	650	
4.9		Giấy in kết quả máy monitor sản khoa 152x150x200	Giấy in kết quả đo máy monitor sản khoa, kích thước 152mmx 150x200 sheets Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	200	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
4.1 0		Giấy in kết quả máy monitor sản khoa 151mm x 100mm x 150	Giấy in dùng cho máy monitor sản khoa, dạng tập, kích thước: 151mm x 100mm x 150 sheets, có bao bảo vệ. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	200	
4.1 1		Giấy in kết quả máy monitor sản khoa 130mm x 120mm x 300	Giấy ghi có kẻ ô vuông, phù hợp với máy Bitos-BT300, kích thước 130mm x 120mm x 300 tờ Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, GE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	200	
4.1 2		Giấy y tế	Giấy y tế dùng lót, lau trong y tế, thấm hút tốt, không toí, rã, kích thước: 40cm x 50cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Kg	1.200	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
4.1 3		Mask Oxy có túi các cỡ	Làm từ nhựa PVC y tế mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn, túi trữ khí $\geq 1000\text{ml}$. Đầu nối tiêu chuẩn. Không Latex. Gồm các size :XL, L, M, S, tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.500	
4.1 4		Mask thanh quản 2 nồng silicon, dùng nhiều lần, các số	Làm bằng vật liệu silicone y tế, không độc hại, không kích ứng, tương thích sinh học tốt. Bóng 2 lớp. Size: 3.0 đến 4.0 Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10	
4.1 5		Mặt nạ gây mê các số	Nhựa PVC y tế mềm, giữ kính hơi mê, vòm áp mê mại, vô trùng. nhiều cỡ từ 1 đến 6 Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Cái	100	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
4.1 6		Mặt nạ xông khí dung các cỡ	Sản xuất từ nhựa dùng trong y tế, có bộ khí dung. Các cỡ: S, M, L, XL. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.700	
5	Túi, lọ và vật tư y tế dùng trong chẩn đoán, điều trị						
5.1		Bao Camera nội soi	Chất liệu được làm bằng nhựa PE nguyên chất, trung tính, tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485,	Cái	3.500	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.2		Bao cao su	Chất liệu cao su, không gây dị ứng. Độ dai và đàn hồi tốt. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	6.000	
5.3		Bộ hút điều kinh I van	Bơm dung tích 60cc. Áp lực hút chân không. Có một khóa van. Phù hợp với ống hút mềm dẻo Karman loại FC. Tháo được đầu đầu van cao su ra khỏi thân van. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	240	
5.4		Dao mổ các số	Chất liệu thép không gỉ, số 10, số 11. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu	Cái	5.600	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.5		Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Chai	1	
5.6		Điện cực điện tim	Dùng dán điện tim Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	20.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
5.7		Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, vô khuẩn, không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong suốt, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước, độ PH 6.5-7.5.không mùi, thể tích ≥ 5000ml Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Can	100	
5.8		Kẹp rốn	Dụng cụ giữ dây rốn trẻ sơ sinh, không độc hại, không gây kích ứng. Có bao chứa an toàn đi kèm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.600	
5.9		Khẩu trang y tế	Làm từ vải không dệt, thanh nẹp mũi: bằng nhựa PVC, mềm, dễ uốn cong, 3 lớp Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cái	100.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.10		Lam kính nhám	Kích thước: ≥25,0mm×75,0mm, độ dày: 1,0-1,2mm, khu vực mài mờ 20mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	80	
5.11		Lam kính trong	Trong suốt, độ dày: 1.0 - 1,2 mm Kích thước: ≥25.4 x 76.2mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	400	
5.12		Lam men	Kích thước: 22 x 22 mm, độ dày: 0.13 - 0.16 mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn	Hộp	50	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.1 3		Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa PS trong suốt, có nhãn màu trắng, nắp nhựa, dung tích ≥50ml, không tiết trùng Hoặc trong đưng	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	17.000	
5.1 4		Lọc khuẩn 3 chức năng	Phin lọc khuẩn, loại ba chức năng, dùng cho người lớn, dùng 1 lần. Màng lọc chế tạo từ sợi polypropylene, kỵ nước. Công luer lấy mẫu khí có nắp đậy. Hoặc trong đưng	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.800	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
5.1 5		Mũ phẫu thuật tiệt trùng	Làm từ vải không dệt không thấm nước, tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	14.000	
5.1 6		Muối hoàn nguyên	Muối tinh khiết, dùng để súc rửa hệ thống nước R.O Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	800	
5.1 7		Nhiệt Kế Vây Thủy Ngân	Nhiệt kế thủy ngân Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cái	200	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.18		Ống Effendorf	Ống ly tâm eppendorf 1.5ml, không tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	15.000	
5.19		Ống nghiệm nắp trắng	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh ≥ 1,5ml, nắp trắng, nhựa PP Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	31.500	
5.20		Ống pipet nhỏ giọt 3ml	Chất liệu nhựa y tế LDPE, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài ≥ 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn	Cái	10.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.2 1		Phim X-quang quang chụp rửa liền 3x4cm	Phim rửa liền, có kèm nước rửa phim (3cm x 4cm) Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tám	1.200	
5.2 2		Que dè lưỡi gỗ	Làm bằng gỗ, kích thước ≥150*20*2mm. Được tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	60.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
5.2 3		Tấm bông y tế	Đầu bông của Que Tấm Bông y tế được sử dụng từ Bông y tế 100% sợi cotton Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuan (ISO90 01, ISO134 85, ISO140 01, ISO111 35, CE, FDA,C FS, TCVN)	Cái	2.000	
5.2 4		Tấm lót sản khoa	4 lớp, kích thước ≥ 40cm x 60cm. Không gây kích ứng, không độc tố. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuan (ISO90 01, ISO134 85, ISO140 01, ISO111 35, CE, FDA,C FS, TCVN)	Cái	3.000	
5.2 5		Tạp dề y tế	Chất liệu: màng nhựa PE Kích cỡ: ≥ 80*120cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuan (ISO90 01, ISO134 85, ISO140 01,	Cái	2.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.2 6		Tay dao cắt đốt 2 nút bấm dùng một lần	Tay dao có 2 nút bấm, dùng 1 lần Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.200	
5.2 7		Túi cho ăn	Làm từ nhựa PVC y tế. Thể tích chứa ≥ 1200ml Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	110	
5.2 8		Túi do máu sau sinh	Chất liệu: màng nhựa PE trong, không độc tố, có vạch chia để đo dung tích máu sau sinh (từ 250 ml đến	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn	Cái	3.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
			2000 ml) Hoặc tương đương	(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
5.29		Túi đựng nước tiêu	Làm bằng vật liệu nhựa, thể tích chứa $\geq 2000\text{ml}$ Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.300	
5.30		Túi ép dẹp 150mm x 200m	Túi ép tiệt trùng loại dẹp 150mmx200m . Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	23	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
5.3 1		Túi ép phòng 200mm x 100m	Túi ép phòng. Kích thước: 200mm x 100m ($\pm 5\%$). Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	39	
5.3 2		Túi ép phòng 300mm x 100m	Túi ép phòng. Kích thước: 300mm x 100m ($\pm 5\%$). Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	39	
6	Vật tư y tế dùng trong nha khoa						
6.1		Bonding universal	Thành phần: Vitrebond copolymer, HEMA, Nước Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn	Lọ	5	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.2		Bông cầm máu	Kích thước 2cmx2cmx0,5cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bịch	10	
6.3		Bột Canxi hydroxide (ống tủy)	Thành phần chính Ca(OH) ₂ Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	6	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
6.4		Chôi đánh bóng	Đầu chôi bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chôi bằng thép không gỉ. Chiều dài trong khoảng 2.5 - 3cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	720	
6.5		Cọ bond vàng	Cọ bond dùng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần, màu vàng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Ổng	10	
6.6		Composite đặc A2	Dạng đặc, màu A2. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cây	4	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.7		Composite đặc A3	Dạng đặc, màu A3.. Độ bóng cao và dễ đánh bóng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	10	
6.8		Composite đặc A3.5	Composite đặc, màu A3.5, tỷ trọng hạt độn cao, có độ co thấp giúp giảm thiểu tối đa hiện tượng rò vi kê và nhạy cảm sau điều trị. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	10	
6.9		Composite đặc A4	Màu: A4, dạng đặc Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Cây	2	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.10		Composite lỏng A2	Là composite lỏng, màu A2 bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	10	
6.11		Côn chính Gutta-percha	Chất liệu gutta-percha tinh khiết, mềm dẻo để tạo hình các số tương thích với trạm máy và trạm tay, các số 20.4; 25.4; 30.4; 35.4 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	32	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
6.1 2		Còn giấy 25	Giấy thấm hút, sử dụng trong nha khoa Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	8	
6.1 3		Dai cellulose	Chất liệu cellulose Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	2	
6.1 4		Dung dịch eugenol	Thành phần: tinh dầu, dạng lỏng, trộn với oxide kẽm tạo hợp chất giảm đau Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Lọ	1	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.1 5		Axit hàn composite (Etching)	Vật liệu hàn răng có thành phần 37% phosphoric acid. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Óng	12	
6.1 6		Giấy sát khuẩn lau tay khoan	Khăn lau không dệt. đã được bão hòa trước với dung dịch khử khuẩn. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	30	
6.1 7		Fuji 9 màu A2	Xi măng để hàn, gắn răng, màu A2. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO90	Hộp	5	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				01, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.18		Kim bơm rửa nội nha 2 lỗ	Kim bơm rửa nội nha 2 lỗ, màu vàng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	600	
6.19		Kim nha khoa	Size: 27G Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.500	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
6.2 0		Nhám kê dò	Dụng cụ mài kê răng phủ kim cương một mặt, loại không đục lỗ (tròn) hoặc có đục lỗ (P), không răng cưa. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Sợi	12	
6.2 1		Nước bơm rửa NaOCl 3%	Dung dịch bơm rửa và điều trị tủy, thành phần chủ yếu là Sodium Hypochlorite 3-5% Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Chai	6	
6.2 2		Ống hút dịch phẫu thuật inox	Chất liệu: inox, các số Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001,	Cái	10	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.2 3		Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần. Nhựa PVC không độc hại. Kích thước $\geq 6.5\text{mm}$, dài $\geq 140\text{mm}$. Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	4.000	
6.2 4		Sò đánh bóng	Sò đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng sau điều trị viêm nha chu Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Con	800	
6.2 5		Trám tạm	Vật liệu trám tạm dùng trám tạm theo dõi hoặc trám tạm trong quá trình chữa tủy Hoặc tương đương	Đạt \geq một trong những tiêu chuẩn	Lọ	5	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng dự trữ	Ghi chú
				(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
6.2 6		Xi măng trám bít ống tủy	Dạng bột, chứa hoạt chất Endomethason Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	2	

Mẫu số 01
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp dịch vụ] –
Mã số thuế:

Báo giá cho các dịch vụ liên quan như sau(Danh mục cần báo giá)

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1							

1. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật:

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày tháng năm 2026;
3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thẻ hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..... ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

